

Kon Tum, ngày 28 tháng 11 năm 2019

PHIẾU TRÌNH
Về việc Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy công bố
Cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I trên Trang thông
tin điện tử Sở Y tế

Kính trình: Lãnh đạo Sở Y tế.

1. Tóm tắt nội dung cần trình:

Xem xét, phê duyệt và công bố trên Trang thông tin điện tử Sở Y tế cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I.

Tóm tắt nội dung hồ sơ như sau:

1.1. Thông tin về cơ sở:

- Tên cơ sở: Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy
- Địa chỉ: Thôn 13 - Xã Đăk Ruồng - huyện Kon Rẫy - tỉnh Kon Tum.
- Người đứng đầu cơ sở: Ths. Bs Phạm Xuân Khánh
- Số điện thoại: 0913.419.413
- Email: khanhyt70@gmail.com

1.2. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản tự công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I (đúng, đầy đủ nội dung theo mẫu quy định).
- Danh sách nhân sự làm việc tại phòng xét nghiệm, kèm bản sao chứng nhận tham dự tập huấn về an toàn sinh học, hợp đồng lao động, chứng chỉ hành nghề, bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp.
- Bản kê khai trang thiết bị phòng xét nghiệm.

2. Ý kiến đề xuất của người trình: Hồ sơ đầy đủ, đúng theo quy định tại Điều 13, chương IV, Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về đảm bảo an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Y tế.

3. Ý kiến của Trưởng phòng: Đã kiểm tra, rà soát hồ sơ đảm bảo theo đúng quy định của thủ tục hành chính "Công bố phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II" được ban hành tại Quyết định 600/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (Sở Y tế); Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Kính trình lãnh đạo Sở Y tế xem xét, phê duyệt việc công bố trên Trang Thông tin điện tử Sở Y tế./.

NGƯỜI TRÌNH



Hoàng Long Quân

TRƯỞNG PHÒNG



Đặng Công Lân

LÃNH ĐẠO SỞ Y TẾ



Lê Trí Khải

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Trang Thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: Phòng chuyên môn.

SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM
TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN KON RẪY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 541 /TTYTKR

Kon Rẫy, ngày 22 tháng 05 năm 2019

BẢN TỰ CÔNG BỐ

Cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Kon Tum

Tên cơ sở: Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy

Địa chỉ: Thôn 13 – xã Đăk Ruông – huyện Kon Rẫy – tỉnh Kon Tum

Người đứng đầu cơ sở: Ths, Bs Phạm Xuân Khánh

Điện thoại liên hệ: 0913.419.413

Email: khanhyt70@gmail.com

Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ, chúng tôi đáp ứng Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự và quy định thực hành an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm đối với an toàn sinh học cấp I

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Chúng tôi cam kết thực hiện xét nghiệm trong phạm vi chuyên môn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của đơn vị./.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên đóng dấu)



Ths Bs: Phạm Xuân Khánh

Kon Tum, ngày 14 tháng 5 năm 2019

BẢN KÊ KHAI

**Nhân sự của phòng Xét nghiệm đề nghị Giấy chứng nhận
đạt tiêu chuẩn An toàn sinh học cấp I**

TT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Công việc được giao phụ trách
1	Nguyễn Trọng Bằng	Kỹ thuật viên chính y	Kỹ thuật viên trung cấp y	Phụ trách chung khoa Xét nghiệm -CDHA
2	Võ Thị Nga	Kỹ thuật viên chính y	Kỹ thuật viên trung cấp y	Thực hiện kỹ thuật xét nghiệm Sinh hóa
3	Đào Thị Thanh Loan	Kỹ thuật viên chính y	Kỹ thuật viên trung cấp y	Thực hiện kỹ thuật xét nghiệm Huyết học

Kèm theo Hồ sơ cá nhân của 3 thành viên gồm:

- Bản sao có chứng thực Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động.
- Bản sao có chứng thực bằng cấp chuyên môn đào tạo phù hợp với loại hình xét nghiệm.
- Bản sao có chứng thực giấy xác nhận đã qua tập huấn về An toàn sinh học của các cơ sở y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế chỉ định cấp.



GIÁM ĐỐC

Phạm Xuân Khánh

SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM
TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN KON RẪY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5.16/BC-YTKR

Kon Tum, ngày 23 tháng 5 năm 2019

DANH MỤC
Trang bị bảo hộ cá nhân sử dụng trong khoa Xét nghiệm -CDHA

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Bảo hộ cho cán bộ kỹ thuật			
1	Quần áo vải trắng	Bộ	03	
2	Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc	Cái	03	
3	Găng tay cao su	Cái	500	
4	Dép nhựa có mũi trùm kín	Đôi	03	
6	Khẩu trang	Cái	500	
8	Kính trắng chống bụi hoặc chống hóa chất chuyên dùng	Cái	03	
9	Xà phòng	Bánh	02	

Ghi chú: Các trang bị bảo hộ cá nhân thuộc vật tư tiêu hao (xà phòng, găng tay, đồ bộ trang bị bảo hộ cá nhân cho khách...), khoa Xét nghiệm -CDHA thường xuyên bổ sung đủ cơ số đảm bảo sử dụng thường xuyên.

PHÒNG XÉT NGHIỆM

Nguyễn Trọng Bằng

GIÁM ĐỐC



Phạm Xuân Khánh

Kon Tum, ngày ... tháng ... năm 2019

BẢN MÔ TẢ
Dụng cụ chứa đựng chất thải
tại khoa Xét nghiệm - CDHA Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy

1. Cơ sở yêu cầu báo cáo

- Nghị định số 92/2010/NĐ-CP ngày 30/8/2010 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về bảo đảm An toàn sinh học tại phòng Xét nghiệm.

- Thông tư số 25/2012/TT-BYT ngày 29/11/2012 của Bộ Y tế về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thực hành và An toàn sinh học tại phòng Xét nghiệm.

- Thông tư số 29/2012/TT-BYT ngày 04/12/2012 của Bộ Y tế về việc Quy định thủ tục cấp mới, cấp lại Giấy chứng nhận phòng Xét nghiệm đạt tiêu chuẩn An toàn sinh học.

2. Cơ sở dữ liệu báo cáo

- Tài liệu về thùng rác Y tế.

- Kết quả kiểm tra đánh giá thực tế tại khoa Xét nghiệm - CDHA Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy.

3. Danh sách và đặc điểm dụng cụ chứa chất thải tại khoa Xét nghiệm - CDHA

a) Danh sách dụng cụ chứa chất thải

- Hướng dẫn, quy định về phân loại chất thải Y tế.

- Thùng đựng rác theo tiêu chuẩn Y tế.

- Bì chứa bên trong thùng rác.

b) Mô tả đặc điểm từng loại dụng cụ chứa chất thải

- Bản hướng dẫn, quy định về phân loại chất thải Y tế: tại mỗi điểm để thùng rác có treo 01 bản quy định về phân loại chất thải Y tế theo hướng dẫn tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 30/11/2007 của Bộ Y tế.

- Thùng đựng rác theo tiêu chuẩn Y tế: tại phòng xét nghiệm được bố trí 02 thùng đựng rác Y tế trong phòng. Cụ thể:

+ Thùng màu vàng: dùng để đựng chất thải lây nhiễm. Là loại thùng đựng rác Y tế trong phòng có đạp chân mở nắp dung tích 25 lít; Kích thước: 37,6 x 27,6 x 44,5 cm; Được làm từ chất liệu nhựa HDPE nguyên sinh được bổ sung

phụ gia tăng độ dẻo dai và chống va đập. Có lõi đựng rác bên trong thùng Thân thùng có biểu tượng rác thải nguy hại sinh học và vạch không đựng quá vạch này.

+ Thùng màu xanh: dùng để đựng chất thải thông thường. Là loại thùng đựng rác Y tế trong phòng có đạp chân mở nắp dung tích 25 lít; Kích thước: 37,6 x 27,6 x 44,5 cm, Được làm từ chất liệu nhựa HDPE nguyên sinh được bổ sung phụ gia tăng độ dẻo dai và chống va đập. Có lõi đựng rác bên trong thùng.

- Bì chứa bên trong thùng rác: trong mỗi thùng rác đều có 1 túi nilon chất liệu PE, kích thước phù hợp với các loại thùng rác; có 2 loại màu vàng, xanh để đựng chất thải thuận tiện trong việc vệ sinh, thu gom các loại rác Y tế hàng ngày.

Trên đây là báo cáo mô tả dụng cụ chứa đựng chất thải tại khoa Xét nghiệm - CDHA Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy. Báo cáo này là một phần nội dung kèm theo hồ sơ đề nghị Sở Y tế thẩm định và công nhận **khóa** Xét nghiệm - CDHA Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy đạt tiêu chuẩn An toàn sinh học cấp I. Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy báo cáo đề Sở Y tế xem xét./.

Nơi nhận:

- Phòng NVY, Sở Y tế;
- Lưu: VT, XN, KHTH.

GIÁM ĐỐC



Phạm Xuân Khánh

Kon Tum, ngày tháng năm 2019

BẢNG KÊ KHAI
TRANG THIẾT BỊ KHOA XÉT NGHIỆM – CDHA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KON RẪY

TT	Tên thiết bị	Model (Kiểu)	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Chức năng	Trình trạng
01	Máy huyết học	Celltac α MEK 6510	Nhật	2015	Khả năng đọc và cho kết quả mẫu xét nghiệm 19 thông số huyết học	Đang sử dụng
02	Máy sinh hóa tự động	Sapphire 200	Iceland	2012	Khả năng đọc và cho kết quả mẫu xét nghiệm sinh hóa	Đang sử dụng
03	Máy sinh hóa bán tự động	Robonik	Ấn độ	2018	Khả năng đọc và cho kết quả mẫu xét nghiệm sinh hóa	Đang sử dụng
04	Máy phân tích nước tiểu	Uritek – TC 101	Mỹ	2012	Khả năng đọc và cho kết quả mẫu xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Đang sử dụng
05	Máy li tâm	PLC 012E	Đài loan	2012	Li tâm mẫu xét nghiệm máu	Đang sử dụng
06	Máy li tâm	PLC 03	Đài loan	2012	Li tâm mẫu xét nghiệm nước tiểu	Đang sử dụng
07	Tủ lạnh đựng sinh phẩm	Elextolux ETE4407	Việt Nam	2018	Bảo quản Sinh phẩm	Đang sử dụng
08	Kính hiển vi	Olympus CX41	Philippin	2018	Soi, phát hiện KST, vi khuẩn,...	Đang sử dụng

TT	Tên thiết bị	Model (Kiểu)	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Chức năng	Trình trạng
09	Nồi hấp ướ	TOMY ES 315	Nhật Bản	2002	Hấp hóa chất, sinh phẩm sau 1khi làm	Đang sử dụng
10	Máy đo độ đông máu	Thrombostar 2	Đức	2012	Đo chức năng đông máu	Đang sử dụng

KHOA XÉT NGHIỆM - CDHA

P. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Bằng

Nguyễn Trọng Bằng

Đặng Văn Thành



Phạm Xuân Khánh
Phạm Xuân Khánh

Số: 549/BC-YTKR

Kon Tum, ngày 23 tháng 5 năm 2019

BẢN MÔ TẢ

Quy cách chất liệu của bàn xét nghiệm, hệ thống cửa đi, cửa sổ tại khoa Xét nghiệm –CĐHA, Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy

- căn cứ Nghị định số 92/2010/NĐ-CP ngày 30/8/2010 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về bảo đảm An toàn sinh học tại phòng Xét nghiệm.

- Căn cứ Thông tư số 25/2012/TT-BYT ngày 29/11/2012 của Bộ Y tế về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thực hành và An toàn sinh học tại phòng Xét nghiệm.

- Căn cứ Thông tư số 29/2012/TT-BYT ngày 04/12/2012 của Bộ Y tế về việc Quy định thủ tục cấp mới, cấp lại Giấy chứng nhận phòng Xét nghiệm đạt tiêu chuẩn An toàn sinh học.

1. Cơ sở dữ liệu báo cáo:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy được đầu tư xây dựng vào năm 2006 và đưa vào sử dụng năm 2012

- Kết quả kiểm tra đánh giá thực tế tại khoa Xét nghiệm, Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy.

2. Mô tả quy cách chất liệu của bàn Xét nghiệm

a) Bàn xét nghiệm:

- Tổng số bàn đá Xét nghiệm: 03.

- Mô tả chất liệu: Chất liệu Bàn Xét nghiệm được làm bằng bê tông cốt thép có lát gạch Ceramic màu trắng.

+ Bàn xét nghiệm: Làm bằng Bê tông cốt thép vữa xi măng mác PC40, Đá 1x2, cốt thép D = 6-8 mm.

+ Gạch Ceramic, là loại gạch được làm từ hỗn hợp đất sét, cao lanh, Trường thạch, đá, cát...

*Quy cách:

- Phòng xét nghiệm :

+ Bàn Xét nghiệm được làm từ Bê tông cốt thép , kích thước (dài x rộng x dày) như sau:

01 bàn có kích thước 2400x400x100mm

02 bàn, có kích thước 3000x500x100mm.

Lát gạch Ceramic, kích thước gạch (200x250mm).

+ Tường xây bằng gạch 6 lỗ vữa xi măng mác PC40. Lốp vữa trát bằng vữa xi măng, bả matic lăn sơn 3 nước, riêng phần tường trong khuôn viên khoa xét nghiệm chưa được ốp gạch men (*sẽ bổ xung sửa chữa*)

b) Hệ thống cửa đi và cửa sổ

+ Hệ thống cửa đi, cửa sổ làm bằng sắt, kính và khung bảo vệ cửa làm bằng thép hộp vuông 10x10mm có sơn chống rỉ.

c) Hệ thống cấp điện:

+ Hệ thống cấp điện: Nguồn điện lấy từ hệ thống cấp điện chung Trung tâm cấp cho hệ thống chiếu sáng (Bóng đèn chữ U 50W, 01 bóng/phòng) và tới thiết bị dùng điện.

d) Hệ thống cấp, thoát nước:

+ Hệ thống cấp, thoát nước: Cấp nước lấy từ đường ống cấp của nhà làm việc cấp cho bồn rửa và Lavabo bằng ống nhựa PVC 27. Thoát nước rửa bằng ống nhựa PVC 34 chạy chung với đường ống thoát của của đơn vị

Báo cáo này là một phần nội dung kèm theo hồ sơ đề nghị Sở Y tế thẩm định và công nhận phòng Xét nghiệm đạt tiêu chuẩn An toàn sinh học cấp I. Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy báo cáo để Sở Y tế xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.



GIÁM ĐỐC

Phạm Xuân Khánh

TỔNG QUÁT VỀ CÔNG NGHỆ GẠCH ỐP LÁT CERAMIC

I. CHUẨN BỊ NGUYÊN LIỆU:

- Đất sét tại kho chứa được phối khô tự nhiên đến độ ẩm $W=14-18\%$ được gia công sơ bộ đến kích thước cục đất sét $<100\text{mm}$. Sau đó đất được máy xúc vận chuyển vào kho có chứa mái che. Đất được máy xúc cân lên đo định lượng từng mẻ trộn nhất định sau đó nghiền chung với các nguyên liệu khác.
- Feldpart đã được nghiền mịn đóng bao chuyên về nhập kho Công ty. Sau đó máy xúc sẽ đưa lên cân định lượng từng mẻ trộn cùng với đất sét.
- Phụ gia Sodium Tri Pôly phốt phát (STPP) được cân định lượng và đổ vào máy nghiền chung.
- Nước được bơm từ nguồn gốc dự trữ của nhà máy, được định lượng bằng đồng hồ đo nước.

II. NGHIÊN NGUYÊN LIỆU VÀ SẤY PHUN

1. Nguyên liệu đã được chuẩn bị đầy đủ với mẻ trộn tối thiểu là 14.000 kg nguyên liệu khô.

- + Đất sét HD = 1.900kg + Đất sét SS = 7.400 kg
- + Đất sét Q4 = 1.400 kg + Feldpart = 7.300 kg
- + STPP = 48 kg + H₂O = 4.300 lít

2. Tiến hành nghiền ẩm trong máy nghiền MTD 340.

3. Miêu tả máy nghiền MTD 340: Đây là loại máy nghiền gián đoạn thân trụ hình thếp

- + Dung tích làm việc của máy: 26.998 lít (27.000 lít)
- + Bi silica có 3 loại:
 - d = 40, 60 mm P 10.727kg
 - d = 60, 80 mm P 6.436kg
 - d = 80, 100mm P 4.291kg
- + Lớp lót Silica 8 + 120 mm trọng lượng: 17.238 kg.

S=21.545kg

4. Tính toán lượng vật liệu khô nạp vào máy với các thông số:

- + Tỷ trọng hồ = 1.75g/l = 1.75 g/cm³
- + Hàm lượng khô trong hồ = 700%

0.55x27000x1.70x68		
Lượng vật liệu khô =	-----	= 17.166
100		

5. Nạp nguyên vật liệu qua cửa ở thân máy sau khi đã cân chính xác theo bài phối liệu. Nước và phụ gia cũng được định lượng chính xác tới 01 kg sau đó cho máy chạy trong thời gian nghiền từ 8, 10 h, sau đó lượng sót trên sàn 0.063 là 7: 10 %. Hồ sau nghiền phải đảm bảo yêu cầu sau

Tỷ trọng = 1.700, 1.7500g/l

Độ nhớt = 1.4, 4.8° E

Sốt sàng = 7, 10%

W = 30,32 %

6. Hồ đã đạt yêu cầu như phần trên được xả xuống bể hồ. Bể hồ làm bằng bê tông cốt thép có đánh khuấy chậm với tốc độ 12 vòng/phút, mục đích làm cho hồ được đồng đều và tránh hiện tượng hồ đặc sệt lại.

+ Tỷ trọng = 1.750, 1.770g/l + Độ nhớt = 1.8, 2.20/E

7. Hồ được bơm lên máy sấy phun ATM 36 nhờ bơm Piston

8. Nguyên lý làm việc của máy sấy phun ATM 36:

- Không khí nóng được đưa lên trên đỉnh tháp xuống hồ bơm từ đáy tháp lên. Hồ đi qua hệ thống kim phun tạo thành dạng sương mù này gặp không khí nóng sẽ trao đổi nhiệt làm cho hồ khô và rơi xuống phía dưới đáy qua cửa và đi ngoài xuống băng tải. Bột từ băng tải được hệ thống gầu tải đưa lên hệ thống 4 xi lô chứa.

- Nhiệt độ ở trung tâm tháp sấy = 550, 6000 C

- Độ ẩm bột sau khi ra khỏi tháp sấy 4.5, 505 %

- Thành phần hạt bột sấy phun như sau:

Cỡ sàng: 600 420 300 250 180 125 <125

% Sốt sàng: 3.3 13.4 14.7 44 12.3 8.9 3.4

III. ÉP VÀ SẤY ĐÚNG

1. Bột từ xi lô chứa nhờ hệ thống băng tải đưa đến máy ép thủy lực PH 1600 Quá trình thực hiện tại máy ép diễn ra như sau:

P1: lực ép xi lanh chính.

công thức: $P1 * S1 = P2 * S2$

S1: tiết diện xi lanh chính.

P2: lực ép bề mặt gạch.

S2: tiết diện bề mặt gạch.

2. Đặc trưng cơ bản của máy ép PH 1600

+ Lực ép Max: 1.600 tấn

Gạch 300 x 300: 6 lần/phút

Chu kỳ ép Max: 24 lần/phút @ thực tế Gạch 400 x 400: 14 lần/phút

+ Lực tối đa để tách gạch: 9.6 tấn

3. Nguyên lý làm việc: Bột ép có độ ẩm 4.5, 5.5 % và có thành phần hạt phù hợp với điều 2.8 được bộ phận cấp liệu đưa vào khuôn ép chày trên dạp 14, 16 lần / phút. Gạch mộc được ép với áp lực 250 : 300 K G/m² (áp lực riêng 190 Bar). Gạch mộc sau đó đưa vào máy sấy đứng EVA 720

4. Đặc trưng cơ bản của máy sấy đứng EVA 702

+ Công suất nhiệt 2 x 400.000 Kcal/h

+ áp suất 1,4 Bar

+ Độ ẩm gạch vào : 5%

+ Độ ẩm gạch ra < 1 %

5. Nguyên lý làm việc : Không khí nóng được cung cấp từ thiết bị tạo ra không khí nóng, gạch mộc được đưa vào giá ngược chiều không khí nóng qua quá trình trao đổi nhiệt, độ ẩm gạch sẽ mất đi từ 5 % xuống còn 0.5 – 1%

Năng suất máy max: 250m²/h

IV. NGHIÊN MEN MÀU:

1. Mô tả máy nghiền

	Dung	Griding medua (kg) bi nghiền	Linning(lớp lót)
--	------	------------------------------	-------------------

Loại máy nghiền (Mill type)	tích (capacity) (L)	1"	1"	3"	2"	All	Thickness mm	Weight (kg)	
MTP 005	388	207.5	207.5	-	-	-	415	38.1	439
MTP 020	1807	-	483	967	483	-	1933	38.1	1181
MTP050	4443	-	-	1189	2379	1189	4757	38.1	2124

2. Nguyên lý làm việc: Máy làm việc gián đoạn thân hình trụ bằng thép nạp nguyên liệu qua cửa ở thân máy sau khi đã cân chính xác tới 1 g. Cho máy chạy thời gian nghiền từ 6 đến 8 giờ, sao cho lượng sót ở sàng đạt được:

- Đối với ENGOBE: Sót sàng = 1 g/100 các Sàng 0.045 (16.000 lỗ/cm³)

- Đối với men khác: Sót sàng = 3- 4 g/100cc.

- Sau khi nghiền xong, đầu tiên men được sàng qua một sàng rung sau đó được chuyển tới các bể chứa thích hợp (Có kèm theo các cánh khuấy chậm) bằng một bơm màng qua hệ thống các ống dẫn. Để đạt được kết quả tốt khi sàng chúng ta cần làm theo cách sau:

Lần sàng 1: Tại cửa ra của máy nghiền với lưới sàng 392 cm² (lưới số 55, mắt lưới 0.365).

Lần sàng thứ 2: Tại cửa ra các bể chứa (lưới số 40, mắt lưới 0.126).

- Men sàng song được bơm lên thùng chứa di động đặt trên xe 4 bánh để vận chuyển ra mkhu vực tráng men.

V. TRÁNG MEN W: <1%

1. Gạch mộc từ máy sấy đứng ra: T⁰ 80°C được qua bộ phận làm sạch bụi và qua bộ phận phun nước làm ẩm gạch để giảm nhiệt độ viên gạch.

2. Gạch tiếp tục đi qua máy phun men dạng đĩa quay (hoặc dạng chuông) để tráng men Engobe sau đó qua máy tráng men dạng chuông để tráng men phủ ngoài. Gạch tiếp tục đi tiếp trên dây chuyền nhỏ hệ thống dây đai qua hai bộ phận mài đủ 4 cạnh gạch. Sau đó gạch đi qua 1:3 máy in lưới tùy theo sản phẩm cần trang trí. Cuối cùng gạch được đưa vào xe goòng để vận chuyển tiếp đến lò nung.

*Những điều cần chú ý trên dây chuyền tráng men

- Thường xuyên kiểm tra nhiệt độ gạch sau sấy để điều chỉnh lượng nước phun cho phù hợp: 50-70°C; lượng nước: 2 -3g: ENGOBE dùng đĩa quay.

6-8g: ENGOBE dùng chuông.

- Thường xuyên kiểm tra tỷ trọng (d) ; độ nhớt (v) và lượng (g) men trên mặt viên gạch để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp.

- Hàng giờ lấy mẫu sau tráng men, sau in lưới cuối cùng cho vào lò nung để duy trì sản xuất tránh phải ngừng dây chuyền do sai khác về men màu.

- Thường xuyên rửa chuông men và đĩa phun men để tránh hiện tượng tắc men gây ra khuyết tật trên bề mặt men.

VI. LÒ NUNG CON LĂN, NUNG NHANH, NUNG MỘT LẦN: FMS 2230/71.4

1. Mô tả lò nung

+ Chiều dài lò: 71.4 m

+ Chiều rộng lò: 2.23m

+ Khoảng cách giữa các con lăn:

- Vùng nung: 60 mm

- Vùng khác: 67 mm

+ Nhiệt độ nung: 1150 - 12000⁰C

+ Tiêu thụ nhiệt riêng = 500 Kcal/kg

+ Nhiên liệu: Gas LPG

2. Đường cong nung, Chu kỳ nung: 51 phút, Nhiệt độ nung max: 12000⁰C.

I. Vùng thứ nhất: Khu vực trước lò nung (nhiệt độ = 200- 400⁰C).

+ Làm khô hoàn toàn sản phẩm bằng cách loại bỏ các điểm ẩm cục bộ còn lại của quá trình sấy, tráng men hoặc lưu trữ gạch mộc. Sử dụng quạt hút khí nóng từ khu vực trước khi đốt và đốt

+ Khu vực này không dùng vòi đốt.

II. Vùng thứ hai: Vùng nung nóng sơ bộ (nhiệt độ = 500-900⁰C)

+ Loại bỏ nước hoá học

+ Chuyển a quắc® b quắc ở 573⁰C (tăng thể tích).

+ Sự cháy của các tạp chất hữu cơ.

+ Phân giả của Cacbonat® CO₂.

***Thiết bị đốt:** Các vòi đốt đặt dưới các con lăn và dưới các vòi phun không khí nhằm kéo dài pha nóng chảy của men, kéo dài khả năng thoát khí qua bề mặt sản phẩm.

III. Vùng thứ ba: Vùng nung (950-1200⁰C)

+ Làm đồng đều nhiệt độ ở các vùng của sản phẩm để sản phẩm được đặc chắc và men bám đều lên bề mặt của sản phẩm.

+ Tránh hiện tượng khuyết tật do không phẳng không đều mức độ nung, sự thủy tinh hoá và sự đồng đều của men .

+ Thiết bị đốt: Các vòi đốt ở trên và dưới các con lăn, hoạt động độc lập với nhau.

IV. Vùng thứ bốn: Vùng làm nguội nhanh (Nhiệt độ 1.200 - 650⁰C).

+ Làm nguội cưỡng bức bằng cách thổi không khí lạnh trực tiếp vào sản phẩm.

+ Cấp không khí nóng cho vùng “Nóng sơ bộ”.

+ Thiết bị: Bộ trao đổi nhiệt dưới lò. Hệ thống làm mát trực tiếp.

V. Vùng thứ năm: Vùng làm mát tự nhiên (nhiệt độ = 650-400⁰C)

+ Thay đổi nhiệt độ nhỏ để sự chuyển pha của mạch anh xảy ra thuận lợi và không gây nứt sản phẩm (b quắc® a quắc).

***Khu vực này không có thiết bị đốt.**

VI. Khu vực thứ sáu: Vùng làm nguội cuối cùng (400⁰C – nhiệt độ môi trường).

+ Làm nguội nhanh sản phẩm cho đến khi sản phẩm ra cửa lò.

+ Thiết bị thổi không khí lạnh trực tiếp lên trên và dưới sản phẩm nung.

VII. PHÂN LOẠI SẢN PHẨM NHẬP KHO

1. Sản phẩm sau khi ra khỏi lò nung được qua thiết bị kiểm tra mặt phẳng và kích thước. Thiết bị này gồm 1 màn hình, ICPU và các dẫn đo là các senso, Gạch được phân ra 5 cửa:

Cửa có kích thước dương: T

Loại I: Cửa có kích thước chuẩn: S

Cửa có kích thước âm: R

Loại II: Kích thước sai lệch $> \pm 0.5\%$

Loại III: Kích thước sai lệch $\leq \pm 1.0\%$

2. Sản phẩm được KCS theo tiêu chuẩn 01/99 và tiêu chuẩn phân loại sản phẩm do Công ty quy định:

STT		Sản phẩm loại I	Loại II
1	Vết nứt	Không cho phép có vết nứt trên bề mặt	Cho phép 1:2 trên bề mặt hoặc cạnh Chiều dài vết nứt < 10mm Rộng vết nứt: 0.1mm
2	Vết xước	Cho phép 1-2 vết xước nhìn nghiêng mới lấy $l < 20\text{mm}$ $b < 0.1\text{mm}$	Cho phép 3:5 vết xước mờ $l \leq 400\text{mm}; b \leq 0.2\text{mm}$
3	Sứt góc cạnh	Không cho phép sứt góc cạnh trên. Cho phép sứt mẻ cạnh dưới cách mặt trên $< 1/2$ chiều dài cạnh	Được phép sứt góc mẻ cạnh với + Sứt góc: 1,3mm + Mẻ cạnh: < 1mm
4	Lỗ trên mặt men	Cho phép 1 lỗ châm kim trong các trường hợp sau: + Đối với các sản phẩm mà bề mặt khó phát hiện: 1,4 lỗ $f < 0.1\text{mm}$ + Đối với các sản phẩm bề mặt bóng 1,4 lỗ nhìn nghiêng mới thấy. + Đối với các sản phẩm đặc biệt: Không có lỗ châm kim	Cho phép có một số lỗ châm kim trên bề mặt 5, 10 lỗ $f < 0.1\text{mm}$
5	Sai lệch KT 2 cạnh kề nhau	$\leq 1.0\text{mm}$ đối với gạch 30x30 $\leq 1.5\text{mm}$ với gạch 40x40	$> 1\text{mm}$ KT $< 2\text{mm}$ $> 1.5\text{mm}$ KT $< 2\text{mm}$
6	Vết nhám	Không cho phép	1 vết $S \leq 0.5\text{cm}^2$. ; $l \leq 30\text{mm}; b \leq 2\text{mm}$

7	Khuyết tật về in lưới	+ Được phép loang mờ đều khó phân biệt ở khoảng cách 1.5m + Độ đậm nhạt sai lệch:5%	+ Được phép loang mờ + Có 1-2 chấm nhỏ ở vùng dễ thấy + Khuyết 1-2 vết màu nhỏ $f > 2$ mm ở vùng khó phát hiện
8	Sạn trên mặt men	Cho phép 1-2 nốt sạn trên mặt ở vị trí khó nhìn $f = 1$ mm	
9	Độ cong vênh	$\pm 0.3\%$ gạch 40x40 $\pm 0.4\%$ gạch 30x30	³ $\pm 0.5\%$

Bảng 1: Tiêu chuẩn phân loại gạch lát nền

Chú ý: Khi bề mặt sản phẩm có độ nhạt màu, KCS công ty phải cho ngừng xuất và có biện pháp xử lý như sau:

- + Thành phần kiểm tra gồm: 1- KSC Công ty
2- Trưởng ca sản xuất
3- Kỹ thuật viên thí nghiệm
4- Kíp trưởng phân loại

+ Cách kiểm tra: Xếp 1 m² gạch và nhìn bằng mắt thường với góc nhìn 45-600 với khoảng cách xa 1.5 – 2 m.

- Nếu sai khác 5 % để chung với mẫu chuẩn.

- Nếu đậm hơn 5% vẫn phân loại A, xong trên ký hiệu bao bì có đánh thêm dấu phẩy(,) và xếp riêng.

VIII. DÁN MARK VÀ NHẬP KHO

1. Sản phẩm được bộ phận phân loại và đóng bao trên vỏ bao có ghi đầy đủ ký hiệu :

- + Ngày, tháng, và ca sản xuất
- + Loại sản phẩm: Loại I, loại II....
- + Mã hiệu sản phẩm
- + Độ chịu mài mòn: PEL.....

2. Công ty quy định trên bao bì được ghi như sau:

+ Bao bì loại I: Được đánh dấu bằng số 1 ở góc hộp và ký mã hiệu có hai màu xanh và màu đỏ.

+ Bao bì loại II: Được đánh dấu bằng số 2 ở góc hộp và cũng ghi đầy đủ các ký mã hiệu. Vỏ bao chỉ có màu xanh

+ Bao bì loại III trở đi: Vỏ màu trắng và có ghi ký hiệu đầy đủ.

3. Sản phẩm sau khi KSC được nhập kho xe nâng sẽ vận chuyển từng giá một, mỗi giá khoảng 100m² được xếp cao không quá 15 hàng. Mỗi mã hiệu sản phẩm được để riêng biệt và tránh nhầm lẫn.

IX. TIÊU CHUẨN GẠCH LÁT CHÂU ÂU

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	EN 177 STANDARDS	Thực tế ACTUAL RESULTS
1	Độ hút nước	%	3,6	
2	Cường độ uốn	Kg/cm ²	>200	
3	Độ cứng bề mặt	Mosh	5	
4	Độ mài mòn	Mm ²	345	Đạt
5	Sai lệch kích thước	%	± 0.5	± 0.4
6	Độ cong vênh	%	± 0.5	± 0.3
7	Độ vuông góc	%	± 0.6	± 0.4
8	Độ bền nhiệt ở 1502C		Không nứt rạn	Đạt
9	Độ bền hoá	Min	Loại B	Đạt
10	Độ bền màu	Min	Loại 2	Đạt



Số: 548/BC-YTKR

Kon Tum, ngày 23 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO
Thực trạng về cơ sở vật chất, thiết bị, nhân sự
và các quy định về ATSH phòng Xét nghiệm

Căn cứ Thông tư số 29/2012/TT-BYT ngày 04/12/2012 của Bộ Y tế Quy định thủ tục cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận phòng Xét nghiệm đạt tiêu chuẩn An toàn sinh học;

Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy tỉnh Kon Tum báo cáo thực trạng về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và việc tuân thủ các quy định về An toàn sinh học của Khoa Xét nghiệm - CDHA như sau:

I. THỰC TRẠNG:

1. Về nhân lực (phụ lục I)

- Nhân lực hiện tại của khoa Xét nghiệm – CDHA Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy là 03 cán bộ (03 trung cấp, 0 đại học), cán bộ trong khoa chưa được đào tạo các chuyên khoa riêng như: Sinh hóa, Huyết học, Vi sinh,...

2. Về cơ sở vật chất phòng Xét nghiệm HIV:

TT	Nội dung	Có	Chưa có	Ghi chú
01	Khu vực riêng biệt	x		
02	Tổng diện tích			
	+ Phòng thực hiện Xét nghiệm	25,2		m ²
	+ Hành chính phòng XN		x	m ²
03	Hệ thống cửa ra vào	x		Vật liệu sắt, kính
04	Hệ thống cửa sổ	x		Vật liệu sắt, kính
05	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	x		- Hệ thống sử dụng nước - Hệ thống bình gas nhỏ
06	Sàn nhà	x		Gạch men, chịu được hóa chất không thấm nước
07	Tường và trần nhà	x		Xây gạch và bê tông, tường nhà chưa được ốp gạch men
08	Mặt bàn xét nghiệm	x		Bảng gạch men, màu trắng
09	Ánh sáng	x		Đầy đủ

10	Đèn cực tím		x	
11	Hệ thống xử lý nước thải		x	
12	Hệ thống xử lý rác thải		x	Không hoạt động. Rác y tế được tập trung và hợp đồng bên ngoài xử lý.
13	Tủ thuốc cấp cứu		x	
14	Vòi rửa mắt		x	

3. Thực trạng máy móc và trang thiết bị phòng Xét nghiệm: (Phụ lục II)

- Được cung cấp đủ để phục vụ cho công tác xét nghiệm Sinh hóa, huyết học, Vi sinh cơ bản theo danh mục kỹ thuật

4. Năng lực xét nghiệm:

- Khả năng thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm đạt 25% so với tiêu danh mục kỹ thuật Sở y tế giao.

II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN SINH HỌC

1. Nhân sự: 100% nhân viên khoa xét nghiệm đã được đào tạo về An toàn sinh học phòng xét nghiệm (đã có chứng chỉ ATSH).

2. Các quy định chung về ATSH: Đã xây dựng, biên soạn và áp dụng các quy định, hướng dẫn như sau:

- Nội quy ra, vào phòng xét nghiệm, cửa ra vào có biển báo An toàn sinh học.
- Hướng dẫn xử lý rác, chất thải phòng xét nghiệm.
- Quy trình ứng cứu tình huống khẩn cấp: Cháy nổ, tràn đổ hóa chất, sinh học, ...
- Quy trình xử lý sự cố đổ mẫu bệnh phẩm, sinh phẩm trong tủ ATSH.
- Hướng dẫn sử dụng bảo hộ lao động cá nhân.
- Hướng dẫn sự cố vật sắc nhọn đâm vào khi làm việc với tác nhân gây bệnh.
- Các hướng dẫn vận hành thiết bị.
- Sơ đồ phòng xét nghiệm.

III. TỒN TẠI

- Còn thiếu tủ ATSH, hộp thuốc cấp cứu và vòi rửa mắt khẩn cấp.
- Chưa được công nhận ATSH cấp I.

IV. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG PHÒNG XÉT NGHIỆM ĐẠT CHUẨN AN TOÀN SINH HỌC CẤP I

1. Mục tiêu: Xây dựng phòng xét nghiệm của Trung tâm đạt An toàn sinh học cấp I.

2. Giải pháp:

a) Về cơ sở hạ tầng: Đảm bảo đủ phòng, đủ diện tích, phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học cấp I trở lên.

b) Về cung cấp dụng cụ, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm:

- Dụng cụ, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm phải được đáp ứng đủ, kịp thời; Các nhà cung cấp phải có đầy đủ hồ sơ chứng minh sản phẩm có nguồn gốc chất lượng, đảm bảo chất lượng kiểm tra khi xuất hàng.

c) Về nhân lực:

- Bố trí đủ nhân lực cho khoa Xét nghiệm để đào tạo theo hướng chuyên môn hoá về quản lý chất lượng phòng xét nghiệm, kiểm tra chất lượng phòng xét nghiệm.

- Quyết định thành lập và phân công trách nhiệm cho cán bộ phụ trách hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm, bộ phận kiểm tra chất lượng xét nghiệm.

- Phân công cán bộ kỹ thuật chuyên biệt theo từng lĩnh vực: các kỹ thuật xét nghiệm, cán bộ kỹ thuật quản lý về bảo dưỡng, bảo trì trang thiết bị.

d) Về chuyên môn:

- Tham gia thực hiện hệ thống ngoại kiểm của các đơn vị kỹ thuật tuyến trên và thực hiện nội kiểm tại phòng xét nghiệm. Hệ thống quản lý chất lượng, bộ phận kiểm tra chất lượng phải giám sát, theo dõi công tác nội, ngoại kiểm của phòng xét nghiệm.

- Biên soạn và hoàn thiện các quy chế, quy định về đảm bảo và kiểm tra chất lượng phòng xét nghiệm, xây dựng và áp dụng các quy trình kỹ thuật chuẩn cho từng loại kỹ thuật xét nghiệm.

- Biên soạn và hoàn thiện các quy định về an toàn lao động, xử lý các tình huống đổ, vỡ, cháy, nổ trong phòng xét nghiệm,...

- Xây dựng kế hoạch và được triển khai các chế độ bảo trì và hiệu chuẩn trang thiết bị xét nghiệm 6 tháng/lần, 12 tháng/lần hàng năm với các Trung tâm kỹ thuật./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Lưu: VT, XN.



GIÁM ĐỐC

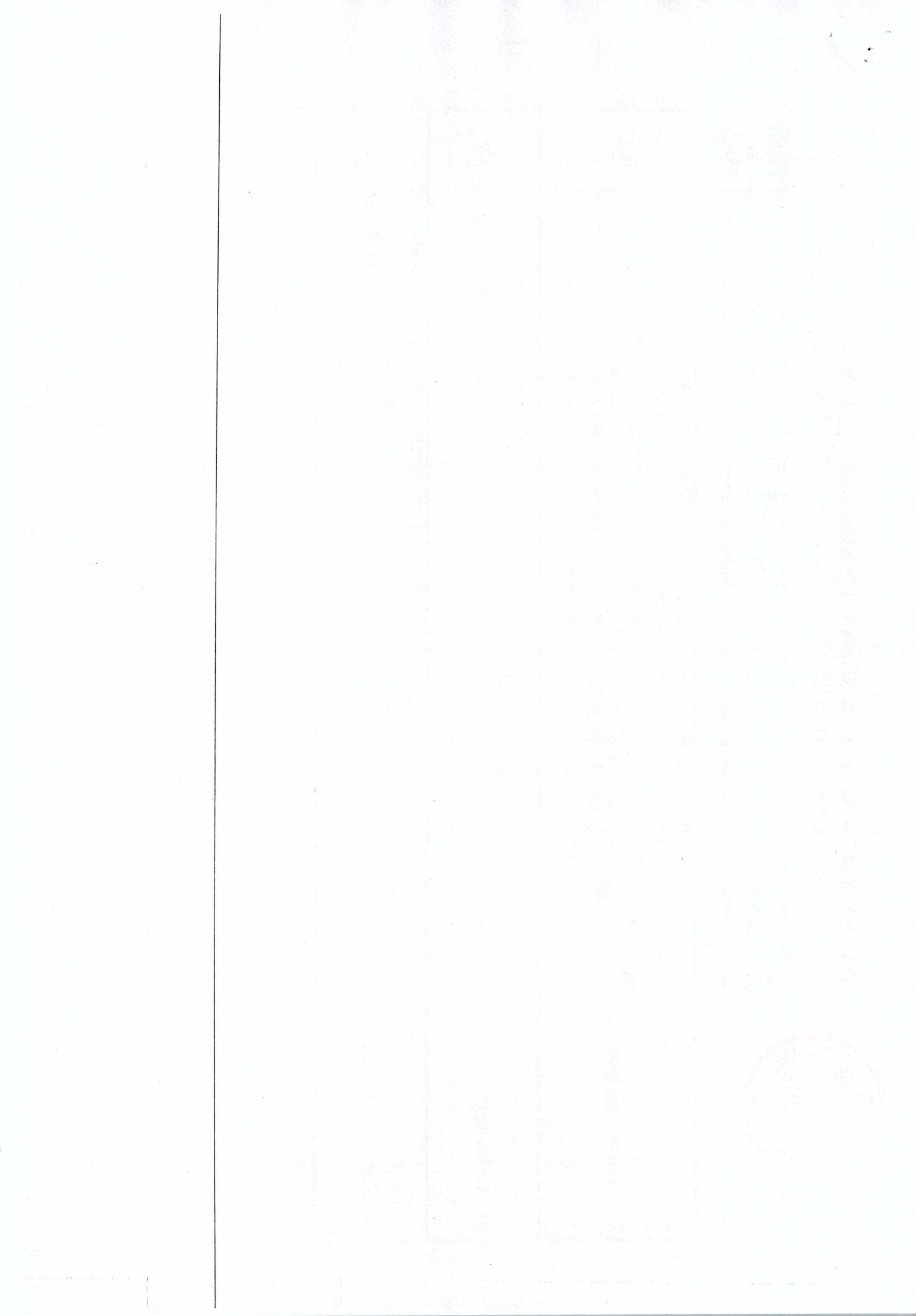
Phạm Xuân Khánh





Phụ lục I
**DANH SÁCH VÀ NHIỆM VỤ NHÂN VIÊN KHOA XÉT NGHIỆM
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KON RÃY TỈNH KON TUM**

T T	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Bộ phận công tác	Nhiệm vụ phân công			CHÚN G NHẬN ATSH
				Nhiệm vụ chính	Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ khác	
01	Nguyễn Trọng Bằng	KTV chính y	Phụ trách khoa	- Phụ trách chung phòng XN - Quản lý hệ thống chất lượng phòng XN; - Quản lý kỹ thuật phòng XN	- Tham mưu BGD mọi mặt về XN - XD hồ sơ hệ thống phòng XN,... - Quản lý chung hồ sơ, tài liệu phòng	- Kiểm tra việc biên soạn SOP; - XD KH đào tạo của phòng. - Theo dõi phàn nàn và khắc phục.	Có
02	Võ Thị Nga	KTV chính y	Nhân viên	- Tiếp đón bệnh nhân - Phụ trách XN Sinh hóa, Lao	- Báo cáo và trả kết quả XN;	- Chăm công KXN; - Khắc phục sự cố PXN. - Khắc phục phàn nàn PXN;	Có
03	Đào Thị Thanh Loan	KTV chính y	Nhân viên	- Tiếp đón bệnh nhân - Phụ trách XN Huyết học	- Báo cáo và trả kết quả XN;	- Quản lý hồ sơ, tài liệu của phòng XN. - KH mua sắm văn phòng phẩm;	Có





Phụ lục II
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ KHOA XÉT NGHIỆM

TT	Tên thiết bị	Model (Kiểu)	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Chức năng	Trình trạng
01	Máy huyết học	Celltac α MEK 6510	Nhật	2015	Khả năng đọc và cho kết quả mẫu xét nghiệm 19 thông số huyết học	Đang sử dụng
02	Máy sinh hóa tự động	Sapphire 200	Iceland	2012	Khả năng đọc và cho kết quả mẫu xét nghiệm sinh hóa	Đang sử dụng
03	Máy sinh hóa bán tự động	Robonik	Ấn độ	2018	Khả năng đọc và cho kết quả mẫu xét nghiệm sinh hóa	Đang sử dụng
04	Máy phân tích nước tiểu	Uritek – TC 101	Mỹ	2012	Khả năng đọc và cho kết quả mẫu xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	Đang sử dụng
05	Máy li tâm	PLC 012E	Đài loan	2012	Li tâm mẫu xét nghiệm máu	Đang sử dụng
06	Máy li tâm	PLC 03	Đài loan	2012	Li tâm mẫu xét nghiệm nước tiểu	Đang sử dụng
07	Tủ lạnh đựng sinh phẩm	Elextolux ETE4407	Việt Nam	2018	Bảo quản Sinh phẩm	Đang sử dụng
08	Kính hiển vi	Olympus CX41	Philippin	2018	Soi, phát hiện KST, vi khuẩn,...	Đang sử dụng
09	Nồi hấp ước	TOMY ES 315	Nhật Bản	2002	Hấp hóa chất, sinh phẩm sau 1khi làm	Đang sử dụng
11	Máy đo độ đông máu	Thrombostar 2	Đức	2012	Đo chức năng đông máu	Đang sử dụng

